

TỔNG CÔNG TY KHÍ VIỆT NAM - CTCP  
CÔNG TY CỔ PHẦN PHÂN PHỐI  
KHÍ THẤP ÁP DẦU KHÍ VIỆT NAM

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: 360/KTA-TCKT  
V/v Công bố Báo cáo tài chính bán niên năm  
2019 đã soát xét.

Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 12 tháng 8 năm 2019

Kính gửi:  
- Ủy ban Chứng khoán Nhà nước;  
- Sở Giao dịch Chứng khoán TP. Hồ Chí Minh.

Tên Công ty: Công ty Cổ phần Phân phối Khí thấp áp Dầu khí Việt Nam

Mã chứng khoán: PGD

Địa chỉ trụ sở chính: Lầu 7, Tòa nhà PVGAS Tower, số 673 Nguyễn Hữu Thọ,  
xã Phước Kiển, huyện Nhà Bè, TP. Hồ Chí Minh.

Điện thoại: 028.37840445

Fax: 028.37840446

Loại thông tin công bố:  24 giờ  theo yêu cầu  định kỳ

Nội dung thông tin công bố:

- Báo cáo tài chính bán niên năm 2019 đã soát xét;
- Giải trình lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp tại Báo cáo tài chính bán niên năm 2019 đã soát xét giảm trên 10% so với cùng kỳ năm 2018.

Thông tin này đã được công bố trên trang thông tin điện tử của Công ty vào ngày 12/08/2019 tại địa chỉ [www.pvgasd.com.vn](http://www.pvgasd.com.vn)

Chúng tôi xin cam kết các thông tin công bố trên đây là đúng sự thật và hoàn toàn chịu trách nhiệm trước pháp luật về nội dung các thông tin đã công bố.

Trân trọng!

Nơi nhận:

- Như trên;
- HĐQT, BKS (để báo cáo);
- Người CBTT (để thực hiện);
- Lưu VT, TCKT, HT.03.

GIÁM ĐỐC



Trần Thanh Nam

**CÔNG TY CỔ PHẦN PHÂN PHỐI  
KHÍ THẤP ÁP DẦU KHÍ VIỆT NAM**

*(Thành lập tại nước Cộng hòa Xã hội Chủ nghĩa Việt Nam)*

## **BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ ĐÃ ĐƯỢC SOÁT XÉT**

**CHO KỲ HOẠT ĐỘNG 6 THÁNG  
KẾT THÚC NGÀY 30 THÁNG 6 NĂM 2019**



**CÔNG TY CỔ PHẦN PHÂN PHỐI KHÍ THẤP ÁP DẦU KHÍ VIỆT NAM**

Lầu 7, tòa nhà PV Gas Tower, số 673 Nguyễn Hữu Thọ, xã Phước Kiển  
Huyện Nhà Bè, thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam

---

**MỤC LỤC**

<b><u>NỘI DUNG</u></b>	<b><u>TRANG</u></b>
BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC	1 - 2
BÁO CÁO SOÁT XÉT BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ	3
BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN GIỮA NIÊN ĐỘ	4 - 5
BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH GIỮA NIÊN ĐỘ	6
BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ GIỮA NIÊN ĐỘ	7
THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ	8 - 26



## **BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC**

Ban Giám đốc Công ty Cổ phần Phân phối Khí thấp áp Dầu khí Việt Nam (gọi tắt là "Công ty") đệ trình báo cáo này cùng với báo cáo tài chính giữa niên độ của Công ty cho kỳ hoạt động 6 tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2019.

### **HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VÀ BAN GIÁM ĐỐC**

Các thành viên của Hội đồng Quản trị và Ban Giám đốc Công ty đã điều hành Công ty trong kỳ và đến ngày lập báo cáo này gồm:

#### **Hội đồng Quản trị**

Ông Trần Trung Chính	Chủ tịch
Ông Trần Thanh Nam	Thành viên
Ông Nguyễn Quang Huy	Thành viên
Ông Lê Bá Khánh Anh	Thành viên
Ông Hideaki Shibata	Thành viên

#### **Ban Giám đốc**

Ông Trần Thanh Nam	Giám đốc
Ông Nguyễn Quang Huy	Phó Giám đốc
Ông Đinh Ngọc Huy	Phó Giám đốc
Ông Đỗ Phạm Hồng Minh	Phó Giám đốc
Ông Lê Minh Hải	Phó Giám đốc

### **TRÁCH NHIỆM CỦA BAN GIÁM ĐỐC**

Ban Giám đốc Công ty có trách nhiệm lập báo cáo tài chính giữa niên độ phản ánh một cách trung thực và hợp lý tình hình tài chính của Công ty tại ngày 30 tháng 6 năm 2019, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho kỳ hoạt động 6 tháng kết thúc cùng ngày, phù hợp với chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính giữa niên độ. Trong việc lập báo cáo tài chính giữa niên độ này, Ban Giám đốc được yêu cầu phải:

- Lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách đó một cách nhất quán;
- Đưa ra các xét đoán và ước tính một cách hợp lý và thận trọng;
- Nêu rõ các nguyên tắc kế toán thích hợp có được tuân thủ hay không, có những áp dụng sai lệch trọng yếu cần được công bố và giải thích trong báo cáo tài chính giữa niên độ hay không;
- Lập báo cáo tài chính giữa niên độ trên cơ sở hoạt động liên tục trừ trường hợp không thể cho rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động kinh doanh; và
- Thiết kế và thực hiện hệ thống kiểm soát nội bộ một cách hữu hiệu cho mục đích lập và trình bày báo cáo tài chính giữa niên độ hợp lý nhằm hạn chế rủi ro và gian lận.

## **BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC (Tiếp theo)**

### **TRÁCH NHIỆM CỦA BAN GIÁM ĐỐC (Tiếp theo)**

Ban Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm đảm bảo rằng số kế toán được ghi chép một cách phù hợp để phản ánh một cách hợp lý tình hình tài chính của Công ty ở bất kỳ thời điểm nào và đảm bảo rằng báo cáo tài chính giữa niên độ tuân thủ chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính giữa niên độ. Ban Giám đốc cũng chịu trách nhiệm đảm bảo an toàn cho tài sản của Công ty và thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn và phát hiện các hành vi gian lận và sai phạm khác.

Ban Giám đốc xác nhận rằng Công ty đã tuân thủ các yêu cầu nêu trên trong việc lập báo cáo tài chính giữa niên độ.

Thay mặt và đại diện cho Ban Giám đốc,



**Trần Thanh Nam**  
**Giám đốc**

Ngày 08 tháng 8 năm 2019  
Thành phố Hồ Chí Minh, CHXHCN Việt Nam

500 - C  
TY  
HỮU HẠN  
ITTE  
NAM  
TP. HA

586  
TY  
AN  
I TH  
KH  
NA  
TP. H

Số: 0199 /VN1A-HN-BC

## **BÁO CÁO SOÁT XÉT BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ**

**Kính gửi: Các Cổ đông  
Hội đồng Quản trị và Ban Giám đốc  
Công ty Cổ phần Phân phối Khí thấp áp Dầu khí Việt Nam**

Chúng tôi đã soát xét báo cáo tài chính giữa niên độ kèm theo của Công ty Cổ phần Phân phối Khí thấp áp Dầu khí Việt Nam (gọi tắt là "Công ty"), được lập ngày 08 tháng 8 năm 2019, từ trang 04 đến trang 26, bao gồm Bảng cân đối kế toán giữa niên độ tại ngày 30 tháng 6 năm 2019, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh giữa niên độ, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ giữa niên độ cho kỳ hoạt động 6 tháng kết thúc cùng ngày và Bản thuyết minh báo cáo tài chính giữa niên độ.

### **Trách nhiệm của Ban Giám đốc**

Ban Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về việc lập và trình bày trung thực và hợp lý báo cáo tài chính giữa niên độ của Công ty theo chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính giữa niên độ và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo việc lập và trình bày báo cáo tài chính giữa niên độ không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

### **Trách nhiệm của Kiểm toán viên**

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra kết luận về báo cáo tài chính giữa niên độ kèm theo dựa trên kết quả soát xét của chúng tôi. Chúng tôi đã thực hiện công việc soát xét theo Chuẩn mực Việt Nam về hợp đồng dịch vụ soát xét số 2410 - Soát xét thông tin tài chính giữa niên độ do kiểm toán viên độc lập của đơn vị thực hiện.

Công việc soát xét báo cáo tài chính giữa niên độ bao gồm việc thực hiện các cuộc phỏng vấn, chủ yếu là phỏng vấn những người chịu trách nhiệm về các vấn đề tài chính kế toán, và thực hiện thủ tục phân tích và các thủ tục soát xét khác. Một cuộc soát xét về cơ bản có phạm vi hẹp hơn một cuộc kiểm toán được thực hiện theo các chuẩn mực kiểm toán Việt Nam và do vậy không cho phép chúng tôi đạt được sự đảm bảo rằng chúng tôi sẽ nhận biết được tất cả các vấn đề trọng yếu có thể được phát hiện trong một cuộc kiểm toán. Theo đó, chúng tôi không đưa ra ý kiến kiểm toán.

### **Kết luận của Kiểm toán viên**

Căn cứ trên kết quả soát xét của chúng tôi, chúng tôi không thấy có vấn đề gì khiến chúng tôi cho rằng báo cáo tài chính giữa niên độ kèm theo không phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính của Công ty tại ngày 30 tháng 6 năm 2019, và kết quả hoạt động kinh doanh và lưu chuyển tiền tệ của Công ty cho kỳ hoạt động 6 tháng kết thúc cùng ngày, phù hợp với chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính giữa niên độ.



**Trần Huy Công**

**Phó Tổng Giám đốc**

Giấy chứng nhận đăng ký hành nghề  
kiểm toán số 0891-2018-001-1

**CÔNG TY TNHH DELOITTE VIỆT NAM**

Ngày 08 tháng 8 năm 2019

Hà Nội, CHXHCN Việt Nam

**CÔNG TY CỔ PHẦN PHÂN PHỐI KHÍ THẤP ÁP DẦU KHÍ VIỆT NAM**

Lầu 7, tòa nhà PV Gas Tower  
Số 673 Nguyễn Hữu Thọ, xã Phước Kiển  
Huyện Nhà Bè, thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam

**MÃ SỐ B 01a-DN**

Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC  
ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính

**BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN GIỮA NIÊN ĐỘ**

Tại ngày 30 tháng 6 năm 2019

Đơn vị: VND

TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	Số cuối kỳ	Số đầu kỳ
<b>A. TÀI SẢN NGẮN HẠN</b>	<b>100</b>		<b>2.685.520.091.725</b>	<b>1.975.277.682.379</b>
<b>I. Tiền và các khoản tương đương tiền</b>	<b>110</b>	<b>4</b>	<b>1.796.432.017.355</b>	<b>1.151.770.997.375</b>
1. Tiền	111		458.489.860.657	324.010.760.908
2. Các khoản tương đương tiền	112		1.337.942.156.698	827.760.236.467
<b>II. Các khoản phải thu ngắn hạn</b>	<b>130</b>		<b>763.148.784.816</b>	<b>702.510.700.043</b>
1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng	131	5	767.809.821.771	708.005.296.551
2. Trả trước cho người bán ngắn hạn	132		3.108.740.052	1.119.862.750
3. Phải thu ngắn hạn khác	136	6	8.189.374.095	9.344.691.844
4. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	137	7	(15.959.151.102)	(15.959.151.102)
<b>III. Hàng tồn kho</b>	<b>140</b>	<b>8</b>	<b>64.894.348.260</b>	<b>60.380.340.024</b>
1. Hàng tồn kho	141		64.894.348.260	60.380.340.024
<b>IV. Tài sản ngắn hạn khác</b>	<b>150</b>		<b>61.044.941.294</b>	<b>60.615.644.937</b>
1. Chi phí trả trước ngắn hạn	151	9	5.288.205.491	2.390.203.859
2. Thuế giá trị gia tăng được khấu trừ	152		55.756.735.803	58.225.441.078
<b>B. TÀI SẢN DÀI HẠN</b>	<b>200</b>		<b>630.586.428.797</b>	<b>669.056.287.476</b>
<b>I. Các khoản phải thu dài hạn</b>	<b>210</b>		<b>2.751.687.699</b>	<b>2.733.671.125</b>
1. Phải thu dài hạn khác	216	6	2.751.687.699	2.733.671.125
<b>II. Tài sản cố định</b>	<b>220</b>		<b>518.808.739.799</b>	<b>557.087.001.982</b>
1. Tài sản cố định hữu hình	221	10	470.072.661.165	510.367.592.544
- Nguyên giá	222		1.183.597.478.338	1.183.627.186.059
- Giá trị hao mòn lũy kế	223		(713.524.817.173)	(673.259.593.515)
2. Tài sản cố định vô hình	227	11	48.736.078.634	46.719.409.438
- Nguyên giá	228		54.532.847.004	51.661.647.004
- Giá trị hao mòn lũy kế	229		(5.796.768.370)	(4.942.237.566)
<b>III. Tài sản dở dang dài hạn</b>	<b>240</b>	<b>12</b>	<b>9.799.022.486</b>	<b>3.172.093.775</b>
1. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	242		9.799.022.486	3.172.093.775
<b>IV. Tài sản dài hạn khác</b>	<b>260</b>		<b>99.226.978.813</b>	<b>106.063.520.594</b>
1. Chi phí trả trước dài hạn	261	9	99.226.978.813	106.063.520.594
<b>TỔNG CỘNG TÀI SẢN (270=100+200)</b>	<b>270</b>		<b>3.316.106.520.522</b>	<b>2.644.333.969.855</b>

Các thuyết minh kèm theo là một bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính giữa niên độ này

**CÔNG TY CỔ PHẦN PHÂN PHỐI KHÍ THẤP ÁP DẦU KHÍ VIỆT NAM**

Lầu 7, tòa nhà PV Gas Tower  
Số 673 Nguyễn Hữu Thọ, xã Phước Kiển  
Huyện Nhà Bè, thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam

**MẪU SỐ B 01a-DN**

Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC  
ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính

**BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN GIỮA NIÊN ĐỘ (Tiếp theo)**

Tại ngày 30 tháng 6 năm 2019

Đơn vị: VND

NGUỒN VỐN	Mã số	Thuyết minh	Số cuối kỳ	Số đầu kỳ
<b>C. NỢ PHẢI TRẢ</b>	<b>300</b>		<b>1.840.394.844.985</b>	<b>1.272.054.696.513</b>
<b>I. Nợ ngắn hạn</b>	<b>310</b>		<b>1.839.946.904.985</b>	<b>1.271.606.756.513</b>
1. Phải trả người bán ngắn hạn	311	13	1.514.834.407.259	871.919.521.413
2. Người mua trả tiền trước ngắn hạn	312	14	177.783.734.290	196.536.767.985
3. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	313	15	20.021.278.781	41.859.369.449
4. Phải trả người lao động	314		12.029.880.755	9.397.105.884
5. Chi phí phải trả ngắn hạn	315	16	10.238.664.041	5.216.833.084
6. Doanh thu chưa thực hiện ngắn hạn	318		-	111.818.182
7. Phải trả ngắn hạn khác	319	17	104.451.506.069	146.559.243.541
8. Quỹ khen thưởng, phúc lợi	322		587.433.790	6.096.975
<b>II. Nợ dài hạn</b>	<b>330</b>		<b>447.940.000</b>	<b>447.940.000</b>
1. Phải trả dài hạn khác	337	17	447.940.000	447.940.000
<b>D. VỐN CHỦ SỞ HỮU</b>	<b>400</b>		<b>1.475.711.675.537</b>	<b>1.372.279.273.342</b>
<b>I. Vốn chủ sở hữu</b>	<b>410</b>	<b>18</b>	<b>1.475.711.675.537</b>	<b>1.372.279.273.342</b>
1. Vốn góp của chủ sở hữu	411		899.990.250.000	899.990.250.000
- Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết	411a		899.990.250.000	899.990.250.000
2. Thặng dư vốn cổ phần	412		153.050.000	153.050.000
3. Cổ phiếu quỹ	415		(9.550.000)	(9.550.000)
4. Quỹ đầu tư phát triển	418		178.262.403.866	178.262.403.866
5. Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu	420		12.450.000.000	12.450.000.000
6. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	421		384.865.521.671	281.433.119.476
- Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối lũy kể đến cuối năm trước	421a		276.963.119.476	50.011.939.577
- Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối kỳ này	421b		107.902.402.195	231.421.179.899
<b>TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN (440=300+400)</b>	<b>440</b>		<b>3.316.106.520.522</b>	<b>2.644.333.969.855</b>



**Lê Đức Huy**  
Người lập biểu



**Nguyễn Phương Thúy**  
Kế toán trưởng



**Trần Thanh Nam**  
Giám đốc

Ngày 08 tháng 8 năm 2019

Các thuyết minh kèm theo là một bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính giữa niên độ này



**CÔNG TY CỔ PHẦN PHÂN PHỐI KHÍ THẤP ÁP DẦU KHÍ VIỆT NAM**

Lầu 7, tòa nhà PV Gas Tower  
Số 673 Nguyễn Hữu Thọ, xã Phước Kiển  
Huyện Nhà Bè, thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam

**MẪU SỐ B 02a-DN**

Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC  
ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính

**BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH GIỮA NIÊN ĐỘ**

Cho kỳ hoạt động 6 tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2019

Đơn vị: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Kỳ này	Kỳ trước
<b>1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ</b>	<b>01</b>	<b>20</b>	<b>3.823.720.630.386</b>	<b>3.781.527.850.431</b>
2. Các khoản giảm trừ doanh thu	02		-	-
<b>3. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ (10=01-02)</b>	<b>10</b>		<b>3.823.720.630.386</b>	<b>3.781.527.850.431</b>
4. Giá vốn hàng bán và dịch vụ cung cấp	11	21	3.467.821.987.019	3.356.547.148.564
<b>5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ (20=10-11)</b>	<b>20</b>		<b>355.898.643.367</b>	<b>424.980.701.867</b>
6. Doanh thu hoạt động tài chính	21	23	9.122.261.090	7.261.771.807
7. Chi phí tài chính	22		-	-
- Trong đó: Chi phí lãi vay	23		-	-
8. Chi phí bán hàng	25	24	177.220.817.545	209.398.999.517
9. Chi phí quản lý doanh nghiệp	26	24	40.603.972.605	45.271.406.123
<b>10. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh (30=20+(21-22)-(25+26))</b>	<b>30</b>		<b>147.196.114.307</b>	<b>177.572.068.034</b>
11. Thu nhập khác	31	25	119.824.038	75.131.843
12. Chi phí khác	32		30.000.000	-
<b>13. Lợi nhuận khác (40=31-32)</b>	<b>40</b>		<b>89.824.038</b>	<b>75.131.843</b>
<b>14. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế (50=30+40)</b>	<b>50</b>		<b>147.285.938.345</b>	<b>177.647.199.877</b>
15. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	51	26	31.883.536.150	35.203.915.573
<b>16. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp (60=50-51)</b>	<b>60</b>		<b>115.402.402.195</b>	<b>142.443.284.304</b>
<b>17. Lãi cơ bản trên cổ phiếu</b>	<b>70</b>	<b>27</b>	<b>1.199</b>	<b>1.493</b>

  
**Lê Đức Huy**  
Người lập biểu

  
**Nguyễn Phương Thúy**  
Kế toán trưởng

  
**Trần Thanh Nam**  
Giám đốc

Ngày 08 tháng 8 năm 2019

Các thuyết minh kèm theo là một bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính giữa niên độ này

**CÔNG TY CỔ PHẦN PHÂN PHỐI KHÍ THẤP ÁP DẦU KHÍ VIỆT NAM**

Lầu 7, tòa nhà PV Gas Tower  
Số 673 Nguyễn Hữu Thọ, xã Phước Kiển  
Huyện Nhà Bè, thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam

**MẪU SỐ B 03a-DN**

Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC  
ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính

**BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ GIỮA NIÊN ĐỘ**

Cho kỳ hoạt động 6 tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2019

Đơn vị: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Kỳ này	Kỳ trước
<b>I. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH</b>			
<b>1. Lợi nhuận trước thuế</b>	<b>01</b>	<b>147.285.938.345</b>	<b>177.647.199.877</b>
<b>2. Điều chỉnh cho các khoản</b>			
Khấu hao tài sản cố định	02	41.967.552.808	59.233.287.197
(Lãi) từ hoạt động đầu tư	05	(9.167.715.635)	(7.261.771.807)
<b>3. Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động</b>	<b>08</b>	<b>180.085.775.518</b>	<b>229.618.715.267</b>
Tăng, giảm các khoản phải thu	09	(56.961.535.910)	(166.600.752.036)
Tăng, giảm hàng tồn kho	10	(4.514.008.236)	(6.774.009.267)
Tăng, giảm các khoản phải trả (Không kể thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp)	11	594.148.123.034	280.624.363.859
Tăng, giảm chi phí trả trước	12	4.227.309.425	(378.609.905)
Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	15	(53.328.541.477)	(32.976.153.330)
Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh	17	(11.315.863.185)	(11.424.720.875)
<b>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh</b>	<b>20</b>	<b>652.341.259.169</b>	<b>292.088.833.713</b>
<b>II. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ</b>			
1. Tiền chi mua sắm, xây dựng tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác	21	(16.796.405.044)	(35.834.079.556)
2. Tiền thu lãi tiền gửi, cổ tức và lợi nhuận được chia	27	9.116.165.855	7.330.048.047
<b>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư</b>	<b>30</b>	<b>(7.680.239.189)</b>	<b>(28.504.031.509)</b>
<b>III. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH</b>			
<b>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính</b>	<b>40</b>	<b>-</b>	<b>-</b>
<b>Lưu chuyển tiền thuần trong kỳ (50=20+30+40)</b>	<b>50</b>	<b>644.661.019.980</b>	<b>263.584.802.204</b>
<b>Tiền và tương đương tiền đầu kỳ</b>	<b>60</b>	<b>1.151.770.997.375</b>	<b>1.499.178.437.648</b>
<b>Tiền và tương đương tiền cuối kỳ (70=50+60)</b>	<b>70</b>	<b>1.796.432.017.355</b>	<b>1.762.763.239.852</b>

  
Lê Đức Huy  
Người lập biểu

Ngày 08 tháng 8 năm 2019

  
Nguyễn Phương Thúy  
Kế toán trưởng

  
Trần Thanh Nam  
Giám đốc



Các thuyết minh kèm theo là một bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính giữa niên độ này

## CÔNG TY CỔ PHẦN PHÂN PHỐI KHÍ THẤP ÁP DẦU KHÍ VIỆT NAM

Lầu 7, tòa nhà PV Gas Tower

Số 673 Nguyễn Hữu Thọ, xã Phước Kiển

Huyện Nhà Bè, thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam

MÃ SỐ B 09a-DN

Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC

ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính

### THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính giữa niên độ kèm theo

#### 1. THÔNG TIN KHÁI QUÁT

##### Hình thức sở hữu vốn

Công ty Cổ phần Phân phối Khí thấp áp Dầu khí Việt Nam (gọi tắt là "Công ty") được thành lập và hoạt động tại Việt Nam dưới hình thức công ty cổ phần theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh lần đầu số 4103006815 ngày 23 tháng 5 năm 2007 và các giấy phép điều chỉnh. Theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp sửa đổi lần thứ 11 ngày 31 tháng 12 năm 2015, vốn điều lệ của Công ty là 899.990.250.000 đồng. Cổ phiếu của Công ty được niêm yết trên Sở Giao dịch chứng khoán thành phố Hồ Chí Minh với mã chứng khoán là PGD.

Công ty mẹ của Công ty là Tổng Công ty Khí Việt Nam - Công ty Cổ phần nắm giữ 50,5% vốn điều lệ.

Tổng số nhân viên của Công ty tại ngày 30 tháng 6 năm 2019 là 267 (tại ngày 31 tháng 12 năm 2018: 267).

##### Ngành nghề kinh doanh và hoạt động chính

Công ty hoạt động trong lĩnh vực kinh doanh và vận chuyển khí thấp áp và CNG.

Hoạt động chính của Công ty bao gồm kinh doanh và vận chuyển khí thấp áp; mua bán khí công nghiệp (không mua bán gas tại thành phố Hồ Chí Minh), vật tư, máy móc, thiết bị hóa chất và phương tiện vận chuyển ngành dầu khí; xây dựng công trình công nghiệp, hệ thống đường ống, kho bãi, trạm chiết phục vụ ngành dầu khí; dịch vụ tư vấn chuyển giao công nghệ, lắp đặt, vận hành, sửa chữa, bảo dưỡng máy, thiết bị công nghệ, xây dựng kho bãi, trạm chiết nạp phục vụ cho hoạt động kinh doanh khí dầu mỏ hóa lỏng (LPG), khí thiên nhiên (NG), khí thiên nhiên nén (CNG), khí thiên nhiên hóa lỏng (LNG); mua bán, vận chuyển xăng, dầu nhớt, các sản phẩm khí khô, kinh doanh LPG, CNG, LNG và các sản phẩm có nguồn gốc từ dầu, khí (không mua bán gas tại trụ sở Công ty); cung cấp dịch vụ hoán cải phương tiện vận tải (trừ gia công cơ khí, xi mạ điện, tái chế phế thải tại trụ sở Công ty; không thiết kế phương tiện vận tải); mua bán, lắp đặt, sửa chữa và bảo dưỡng thiết bị chuyển đổi sử dụng khí cho phương tiện giao thông vận tải và máy móc - thiết bị ngành nông - lâm - ngư nghiệp; mua bán vật liệu xây dựng, hàng trang trí nội thất; kinh doanh bất động sản; thi công xây dựng công trình hạ tầng kỹ thuật khu công nghiệp, khu dân cư và khai thác khoáng sản.

##### Chu kỳ sản xuất, kinh doanh thông thường

Chu kỳ sản xuất, kinh doanh thông thường của Công ty được thực hiện trong thời gian không quá 12 tháng.

##### Cấu trúc doanh nghiệp

Cấu trúc của Công ty gồm có Văn phòng và 03 đơn vị hạch toán phụ thuộc, bao gồm:

- Xí nghiệp Phân phối Khí thấp áp Vũng Tàu;
- Chi nhánh Công ty Cổ phần Phân phối Khí thấp áp Dầu khí Việt Nam - Xí nghiệp Phân phối Khí thấp áp Nhơn Trạch;
- Chi nhánh Công ty Cổ phần Phân phối Khí thấp áp Dầu khí Việt Nam - Xí nghiệp Phân phối Khí thấp áp Miền Bắc.

**Thuyết minh về khả năng so sánh thông tin trên báo cáo tài chính giữa niên độ**

Số liệu so sánh trên bảng cân đối kế toán giữa niên độ và các thuyết minh tương ứng là số liệu báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018 đã được kiểm toán.

Số liệu so sánh trên báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh giữa niên độ, báo cáo lưu chuyển tiền tệ giữa niên độ và các thuyết minh tương ứng là số liệu báo cáo tài chính giữa niên độ cho kỳ hoạt động 6 tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2018 đã được soát xét.

**2. CƠ SỞ LẬP BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ VÀ KỲ KẾ TOÁN**

**Cơ sở lập báo cáo tài chính giữa niên độ**

Báo cáo tài chính giữa niên độ kèm theo được trình bày bằng Đồng Việt Nam (VND), theo nguyên tắc giá gốc và phù hợp với chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính giữa niên độ.

Báo cáo tài chính giữa niên độ kèm theo không nhằm phản ánh tình hình tài chính, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ theo các nguyên tắc và thông lệ kế toán được chấp nhận chung tại các nước khác ngoài Việt Nam.

**Kỳ kế toán**

Kỳ kế toán năm của Công ty bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 và kết thúc vào ngày 31 tháng 12.

Báo cáo tài chính giữa niên độ này được lập cho kỳ hoạt động 6 tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2019.

**3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU**

Sau đây là các chính sách kế toán chủ yếu được Công ty áp dụng trong việc lập báo cáo tài chính giữa niên độ:

**Ước tính kế toán**

Việc lập báo cáo tài chính giữa niên độ tuân thủ theo chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính giữa niên độ yêu cầu Ban Giám đốc phải có những ước tính và giả định ảnh hưởng đến số liệu báo cáo về công nợ, tài sản và việc trình bày các khoản công nợ và tài sản tiềm tàng tại ngày lập báo cáo tài chính giữa niên độ cũng như các số liệu báo cáo về doanh thu và chi phí trong suốt kỳ hoạt động. Mặc dù các ước tính kế toán được lập bằng tất cả sự hiểu biết của Ban Giám đốc, số thực tế phát sinh có thể khác với các ước tính, giả định đặt ra.

**Tiền và các khoản tương đương tiền**

Tiền và các khoản tương đương tiền bao gồm tiền mặt tại quỹ, các khoản tiền gửi không kỳ hạn, các khoản đầu tư ngắn hạn, có khả năng thanh khoản cao, dễ dàng chuyển đổi thành tiền và ít rủi ro liên quan đến việc biến động giá trị.

### **Nợ phải thu**

Nợ phải thu là số tiền có thể thu hồi của khách hàng hoặc các đối tượng khác. Nợ phải thu được trình bày theo giá trị ghi sổ trừ đi các khoản dự phòng phải thu khó đòi.

Dự phòng phải thu khó đòi được trích lập cho những khoản nợ phải thu đã quá hạn thanh toán từ sáu tháng trở lên, hoặc các khoản phải thu mà người nợ khó có khả năng thanh toán do bị thanh lý, phá sản hay các khó khăn tương tự.

### **Hàng tồn kho**

Hàng tồn kho được xác định trên cơ sở giá thấp hơn giữa giá gốc và giá trị thuần có thể thực hiện được. Giá gốc hàng tồn kho bao gồm chi phí nguyên vật liệu trực tiếp, chi phí lao động trực tiếp và chi phí sản xuất chung, nếu có, để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại. Hàng tồn kho được hạch toán theo phương pháp kê khai thường xuyên. Giá xuất kho của hàng tồn kho được xác định theo phương pháp bình quân gia quyền. Giá trị thuần có thể thực hiện được được xác định bằng giá bán ước tính trừ các chi phí ước tính để hoàn thành sản phẩm cùng chi phí tiếp thị, bán hàng và phân phối phát sinh.

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho của Công ty được trích lập theo các quy định kế toán hiện hành. Theo đó, Công ty được phép trích lập dự phòng giảm giá hàng tồn kho lỗi thời, hỏng, kém phẩm chất và trong trường hợp giá gốc của hàng tồn kho cao hơn giá trị thuần có thể thực hiện được tại ngày kết thúc kỳ kế toán.

### **Tài sản cố định hữu hình và khấu hao**

Tài sản cố định hữu hình được trình bày theo nguyên giá trừ giá trị hao mòn lũy kế.

Nguyên giá tài sản cố định hình thành do mua sắm bao gồm giá mua và toàn bộ các chi phí khác liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản vào trạng thái sẵn sàng sử dụng. Đối với tài sản cố định hình thành do đầu tư xây dựng cơ bản theo phương thức giao thầu hoặc tự xây dựng và sản xuất, nguyên giá là giá quyết toán công trình xây dựng theo quy chế quản lý đầu tư và xây dựng hiện hành, các chi phí khác có liên quan trực tiếp và lệ phí trước bạ (nếu có). Trường hợp dự án đã hoàn thành và đưa vào sử dụng nhưng quyết toán chưa được phê duyệt, nguyên giá tài sản cố định được ghi nhận theo giá tạm tính trên cơ sở chi phí thực tế đã bỏ ra để có được tài sản cố định. Nguyên giá tạm tính sẽ được điều chỉnh theo giá quyết toán được các cơ quan có thẩm quyền phê duyệt.

Tài sản cố định hữu hình được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính, cụ thể như sau:

	<b>Kỳ này</b>
	<b>Số năm</b>
Nhà cửa và vật kiến trúc	5 - 25
Máy móc và thiết bị (*)	3 - 20
Thiết bị văn phòng	3 - 6
Phương tiện vận tải và thiết bị truyền dẫn	3 - 6
Tài sản khác	3 - 5

(\*) Máy móc và thiết bị bao gồm các hệ thống phân phối khí thấp áp được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian sử dụng hữu ích. Đối với hệ thống phân phối khí thấp áp tại Xí nghiệp Phân phối Khí thấp áp Nhơn Trạch, Vũng Tàu và hệ thống phân phối khí thấp áp cho khách hàng Interamal Việt Nam, Ban Giám đốc Công ty đã lựa chọn phương pháp khấu hao nhanh với khung khấu hao là 5 năm để phản ánh phù hợp hơn hiệu suất sử dụng tài sản của Công ty.

### **Tài sản cố định vô hình và khấu hao**

Tài sản cố định vô hình của Công ty thể hiện quyền sử dụng đất, phần mềm máy tính và tài sản cố định vô hình khác được trình bày theo nguyên giá trừ giá trị hao mòn lũy kế. Quyền sử dụng đất có thời hạn được trích khấu hao trên cơ sở thời gian thực tế được cấp, quyền sử dụng đất không có thời hạn không phải trích khấu hao. Các phần mềm máy tính và tài sản cố định vô hình khác được khấu hao theo phương pháp đường thẳng theo thời gian hữu dụng ước tính từ 2 năm đến 5 năm.

### **Chi phí xây dựng cơ bản dở dang**

Các tài sản đang trong quá trình xây dựng phục vụ mục đích sản xuất, cho thuê, quản lý hoặc cho các mục đích khác được ghi nhận theo giá gốc. Chi phí này bao gồm các chi phí cần thiết để hình thành tài sản bao gồm chi phí xây lắp, thiết bị, chi phí khác có liên quan phù hợp với chính sách kế toán của Công ty. Các chi phí này sẽ được chuyển sang nguyên giá tài sản cố định theo giá tạm tính (nếu chưa có quyết toán được phê duyệt) khi các tài sản được bàn giao đưa vào sử dụng.

Giá trị cuối cùng của các công trình xây dựng cơ bản có thể thay đổi và phụ thuộc vào quyết toán được phê duyệt bởi các cơ quan có thẩm quyền.

### **Các khoản trả trước**

Chi phí trả trước bao gồm các chi phí thực tế đã phát sinh nhưng có liên quan đến kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh của nhiều kỳ kế toán. Chi phí trả trước bao gồm khoản trả trước chi phí thuê mặt bằng và các khoản chi phí trả trước khác.

Chi phí thuê mặt bằng thể hiện số tiền thuê đất đã được trả trước. Tiền thuê đất trả trước được phân bổ vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh giữa niên độ theo phương pháp đường thẳng tương ứng với thời gian thuê.

Các khoản chi phí trả trước khác bao gồm giá trị công cụ, dụng cụ, linh kiện loại nhỏ đã xuất dùng, các chi phí quảng cáo, chi phí bảo hiểm, chi phí bảo trì server, chi phí cài tạo văn phòng và các khoản chi phí trả trước khác được coi là có khả năng đem lại lợi ích kinh tế trong tương lai cho Công ty. Các chi phí này được vốn hóa dưới hình thức các khoản trả trước và được phân bổ vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh giữa niên độ, sử dụng phương pháp đường thẳng theo các quy định kế toán hiện hành.

### **Ghi nhận doanh thu**

Doanh thu bán hàng được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn tất cả năm (5) điều kiện sau:

- (a) Công ty đã chuyển giao phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu sản phẩm hoặc hàng hóa cho người mua;
- (b) Công ty không còn nắm giữ quyền quản lý hàng hóa như người sở hữu hàng hóa hoặc quyền kiểm soát hàng hóa;
- (c) Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- (d) Công ty sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch bán hàng; và
- (e) Xác định được chi phí liên quan đến giao dịch bán hàng.

Doanh thu của giao dịch về cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi kết quả của giao dịch đó được xác định một cách đáng tin cậy. Trường hợp giao dịch về cung cấp dịch vụ liên quan đến nhiều kỳ thì doanh thu được ghi nhận trong kỳ theo kết quả phần công việc đã hoàn thành tại ngày của Bảng cân đối kế toán giữa niên độ của kỳ đó. Kết quả của giao dịch cung cấp dịch vụ được xác định khi thỏa mãn tất cả bốn (4) điều kiện sau:

- (a) Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- (b) Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch cung cấp dịch vụ đó;
- (c) Xác định được phần công việc đã hoàn thành tại ngày của Bảng cân đối kế toán giữa niên độ; và
- (d) Xác định được chi phí phát sinh cho giao dịch và chi phí để hoàn thành giao dịch cung cấp dịch vụ đó.

Lãi tiền gửi được ghi nhận trên cơ sở dồn tích, được xác định trên số dư các tài khoản tiền gửi và lãi suất áp dụng.

### **Thuế**

Thuế thu nhập doanh nghiệp thể hiện tổng giá trị của số thuế phải trả hiện tại và số thuế hoãn lại.

Số thuế phải trả hiện tại được tính dựa trên thu nhập chịu thuế trong kỳ. Thu nhập chịu thuế khác với lợi nhuận trước thuế được trình bày trên báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh giữa niên độ vì thu nhập chịu thuế không bao gồm các khoản thu nhập hay chi phí tính thuế hoặc được khấu trừ trong các kỳ khác (bao gồm cả lỗ mang sang, nếu có) và ngoài ra không bao gồm các chỉ tiêu không chịu thuế hoặc không được khấu trừ.

Thuế thu nhập hoãn lại được tính trên các khoản chênh lệch giữa giá trị ghi sổ và cơ sở tính thuế thu nhập của các khoản mục tài sản hoặc công nợ trên báo cáo tài chính giữa niên độ và được ghi nhận theo phương pháp bảng cân đối kế toán. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả phải được ghi nhận cho tất cả các khoản chênh lệch tạm thời còn tài sản thuế thu nhập hoãn lại chỉ được ghi nhận khi chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế trong tương lai để khấu trừ các khoản chênh lệch tạm thời.

Thuế thu nhập hoãn lại được xác định theo thuế suất dự tính sẽ áp dụng cho kỳ tài sản được thu hồi hay nợ phải trả được thanh toán. Thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh giữa niên độ và chỉ ghi vào vốn chủ sở hữu khi khoản thuế đó có liên quan đến các khoản mục được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại và nợ thuế thu nhập hoãn lại phải trả được bù trừ khi Công ty có quyền hợp pháp để bù trừ giữa tài sản thuế thu nhập hiện hành với thuế thu nhập hiện hành phải nộp và khi các tài sản thuế thu nhập hoãn lại và nợ thuế thu nhập hoãn lại phải trả liên quan tới thuế thu nhập doanh nghiệp được quản lý bởi cùng một cơ quan thuế và Công ty có dự định thanh toán thuế thu nhập hiện hành trên cơ sở thuần. Công ty không ghi nhận thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại do không có các khoản chênh lệch trọng yếu giữa giá trị ghi sổ của các khoản mục tài sản hoặc công nợ trên bảng cân đối kế toán giữa niên độ và cơ sở tính thuế thu nhập doanh nghiệp tại ngày kết thúc kỳ hoạt động.

Việc xác định thuế thu nhập của Công ty căn cứ vào các quy định hiện hành về thuế. Tuy nhiên, những quy định này thay đổi theo từng thời kỳ và việc xác định sau cùng về thuế thu nhập doanh nghiệp tùy thuộc vào kết quả kiểm tra của cơ quan thuế có thẩm quyền.

Các loại thuế khác được áp dụng theo các luật thuế hiện hành tại Việt Nam.

**4. TIỀN VÀ CÁC KHOẢN TƯƠNG ĐƯƠNG TIỀN**

	<b>Số cuối kỳ</b> <b>VND</b>	<b>Số đầu kỳ</b> <b>VND</b>
Tiền mặt	179.054.189	94.781.250
Tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn	458.310.806.468	323.915.979.658
Các khoản tương đương tiền	1.337.942.156.698	827.760.236.467
	<b>1.796.432.017.355</b>	<b>1.151.770.997.375</b>

Các khoản tương đương tiền phản ánh các khoản tiền gửi bằng Việt Nam đồng có kỳ hạn gốc từ 2 tuần đến 3 tháng tại các ngân hàng thương mại, lãi suất dao động từ 1%/năm đến 5,5%/năm.

**5. PHẢI THU NGẮN HẠN CỦA KHÁCH HÀNG**

	<b>Số cuối kỳ</b> <b>VND</b>	<b>Số đầu kỳ</b> <b>VND</b>
Công ty Cổ phần Kinh doanh Khí Miền Nam	211.896.534.936	205.328.601.814
Công ty Cổ phần CNG Việt Nam	243.300.786.633	163.604.963.043
Công ty Cổ phần Kinh doanh Khí Miền Bắc	2.218.904.878	16.195.466.758
Các khách hàng khác	310.393.595.324	322.876.264.936
	<b>767.809.821.771</b>	<b>708.005.296.551</b>
<b>Phải thu ngắn hạn khách hàng là các bên liên quan (Chi tiết tại Thuyết minh số 28)</b>	<b>457.416.226.447</b>	<b>385.129.031.615</b>

**6. CÁC KHOẢN PHẢI THU KHÁC**

	<b>Số cuối kỳ</b> <b>VND</b>	<b>Số đầu kỳ</b> <b>VND</b>
<b>a. Phải thu ngắn hạn khác</b>		
Phải thu Công ty Cổ phần Xây lắp Dầu khí 2	4.870.608.031	4.870.608.031
Phải thu Công ty Cổ phần Đầu tư Tài chính Công đoàn Dầu khí Việt Nam	1.294.956.610	1.294.956.610
Phải thu Công ty Cổ phần CNG Việt Nam về 50% chi phí chung tòa nhà Gas Tower	911.261.183	862.396.403
Phải thu Công ty TNHH Kỹ Thuật Gas Phúc Sang Minh	-	854.815.000
Phải thu tiền lãi dự thu	645.473.044	639.377.809
Truy thu lương, thưởng sau quyết toán	-	503.903.848
Tạm ứng	182.200.000	-
Các khoản phải thu khác	284.875.227	318.634.143
	<b>8.189.374.095</b>	<b>9.344.691.844</b>
<b>b. Phải thu dài hạn khác</b>		
Ký cược, ký quỹ	2.751.687.699	2.733.671.125
	<b>2.751.687.699</b>	<b>2.733.671.125</b>
<b>Phải thu khác các bên liên quan (Chi tiết tại Thuyết minh số 28)</b>	<b>8.647.428.949</b>	<b>8.598.564.169</b>



**7. NỢ XẤU**

Tại ngày 30 tháng 6 năm 2019, Công ty có một số khoản nợ xấu như sau:

	Số cuối kỳ			Số đầu kỳ		
	VND	VND	Thời gian quá hạn	VND	VND	Thời gian quá hạn
	Giá gốc	Giá trị có thể thu hồi (*)		Giá gốc	Giá trị có thể thu hồi (*)	
Công ty Cổ phần Đầu tư Tài chính Công đoàn Dầu khí Việt Nam	1.294.956.610	-	Trên 3 năm	1.294.956.610	-	Trên 3 năm
Công ty TNHH Gốm sứ Mỹ Xuân	11.296.297.196	-	Trên 3 năm	11.296.297.196	-	Trên 3 năm
Công ty Cổ phần Xây lắp Dầu khí 2	4.811.281.851	1.443.384.555	Trên 3 năm	4.811.281.851	1.443.384.555	Trên 3 năm
	<b>17.402.535.657</b>	<b>1.443.384.555</b>		<b>17.402.535.657</b>	<b>1.443.384.555</b>	

(\*) Giá trị có thể thu hồi được xác định bằng nợ gốc trừ đi số dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi được trích lập tương ứng.

**8. HÀNG TỒN KHO**

	Số cuối kỳ		Số đầu kỳ	
	VND	VND	VND	VND
	Giá gốc	Dự phòng	Giá gốc	Dự phòng
Nguyên liệu, vật liệu	21.427.374.462	-	21.719.016.743	-
Công cụ, dụng cụ	42.091.662.530	-	37.975.202.023	-
Hàng hoá	1.375.311.268	-	686.121.258	-
	<b>64.894.348.260</b>	<b>-</b>	<b>60.380.340.024</b>	<b>-</b>

**9. CHI PHÍ TRẢ TRƯỚC**

	Số cuối kỳ	Số đầu kỳ
	VND	VND
<b>a. Ngắn hạn</b>		
Chi phí bảo hiểm tài sản	4.201.742.714	656.967.525
Công cụ, dụng cụ phân bổ ngắn hạn	498.383.475	533.407.034
Chi phí bảo trì server	350.079.302	709.829.300
Chi phí trả trước ngắn hạn khác	238.000.000	490.000.000
	<b>5.288.205.491</b>	<b>2.390.203.859</b>
<b>b. Dài hạn</b>		
Chi phí thuê mặt bằng tại các khu công nghiệp	63.002.598.880	60.904.259.849
Chi phí cải tạo văn phòng	20.010.178.235	22.471.740.366
Chi phí biển quảng cáo	5.173.616.113	10.743.684.063
Công cụ, dụng cụ phân bổ dài hạn	1.711.061.546	2.414.028.163
Chi phí trả trước dài hạn khác	9.329.524.039	9.529.808.153
	<b>99.226.978.813</b>	<b>106.063.520.594</b>

**CÔNG TY CỔ PHẦN PHÂN PHỐI KHÍ THẤP ÁP DẦU KHÍ VIỆT NAM  
THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (Tiếp theo)**

**MẪU SỐ B 09a-DN**

**10. TẶNG, GIÁM TÀI SẢN CỐ ĐỊNH HỮU HÌNH**

	Nhà cửa và vật kiến trúc VND	Máy móc và thiết bị VND	Phương tiện vận tải và thiết bị truyền dẫn VND	Thiết bị văn phòng VND	Khác VND	Tổng cộng VND
<b>NGUYÊN GIÁ</b>						
<b>Số dư đầu kỳ</b>	<b>116.243.876.389</b>	<b>1.045.765.165.542</b>	<b>1.418.516.000</b>	<b>19.327.094.834</b>	<b>872.533.294</b>	<b>1.183.627.186.059</b>
Mua sắm mới	-	172.762.960	-	-	-	172.762.960
Đầu tư xây dựng cơ bản hoàn thành	-	879.220.000	-	-	-	879.220.000
Thanh lý, nhượng bán	-	(34.016.667)	-	(722.669.091)	-	(756.685.758)
Phân loại sang chi phí trả trước	-	(325.004.923)	-	-	-	(325.004.923)
<b>Số dư cuối kỳ</b>	<b>116.243.876.389</b>	<b>1.046.458.126.912</b>	<b>1.418.516.000</b>	<b>18.604.425.743</b>	<b>872.533.294</b>	<b>1.183.597.478.338</b>
<b>GIÁ TRỊ HAO MÒN LŨY KẾ</b>						
<b>Số dư đầu kỳ</b>	<b>41.292.505.956</b>	<b>621.098.070.675</b>	<b>1.288.776.250</b>	<b>9.277.376.411</b>	<b>302.864.223</b>	<b>673.259.593.515</b>
Trích khấu hao trong kỳ	5.820.924.432	32.379.029.373	22.695.000	2.742.011.969	79.561.230	41.044.222.004
Thanh lý, nhượng bán	-	(34.016.667)	-	(722.669.091)	-	(756.685.758)
Phân loại sang chi phí trả trước	-	(22.312.588)	-	-	-	(22.312.588)
<b>Số dư cuối kỳ</b>	<b>47.113.430.388</b>	<b>653.420.770.793</b>	<b>1.311.471.250</b>	<b>11.296.719.289</b>	<b>382.425.453</b>	<b>713.524.817.173</b>
<b>GIÁ TRỊ CÒN LẠI</b>						
<b>Tại ngày đầu kỳ</b>	<b>74.951.370.433</b>	<b>424.667.094.867</b>	<b>129.739.750</b>	<b>10.049.718.423</b>	<b>569.669.071</b>	<b>510.367.592.544</b>
<b>Tại ngày cuối kỳ</b>	<b>69.130.446.001</b>	<b>393.037.356.119</b>	<b>107.044.750</b>	<b>7.307.706.454</b>	<b>490.107.841</b>	<b>470.072.661.165</b>

Nguyên giá của tài sản cố định hữu hình bao gồm các tài sản cố định đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng tại ngày 30 tháng 6 năm 2019 là 415.710.276.195 đồng (tại ngày 31 tháng 12 năm 2018: 405.300.757.617 đồng).



**11. TĂNG, GIẢM TÀI SẢN CỐ ĐỊNH VÔ HÌNH**

	Quyền sử dụng đất	Phần mềm máy tính	Tài sản cố định vô hình khác	Tổng cộng
	VND	VND	VND	VND
<b>NGUYÊN GIÁ</b>				
<b>Số dư đầu kỳ</b>	<b>45.545.065.586</b>	<b>6.047.781.418</b>	<b>68.800.000</b>	<b>51.661.647.004</b>
Đầu tư xây dựng cơ bản hoàn thành	-	2.940.000.000	-	2.940.000.000
Thanh lý, nhượng bán	-	-	(68.800.000)	(68.800.000)
<b>Số dư cuối kỳ</b>	<b>45.545.065.586</b>	<b>8.987.781.418</b>	<b>-</b>	<b>54.532.847.004</b>
<b>GIÁ TRỊ HAO MÒN LŨY KẾ</b>				
<b>Số dư đầu kỳ</b>	<b>-</b>	<b>4.873.437.566</b>	<b>68.800.000</b>	<b>4.942.237.566</b>
Trích khấu hao trong kỳ	-	923.330.804	-	923.330.804
Thanh lý, nhượng bán	-	-	(68.800.000)	(68.800.000)
<b>Số dư cuối kỳ</b>	<b>-</b>	<b>5.796.768.370</b>	<b>-</b>	<b>5.796.768.370</b>
<b>GIÁ TRỊ CÒN LẠI</b>				
<b>Tại ngày đầu kỳ</b>	<b>45.545.065.586</b>	<b>1.174.343.852</b>	<b>-</b>	<b>46.719.409.438</b>
<b>Tại ngày cuối kỳ</b>	<b>45.545.065.586</b>	<b>3.191.013.048</b>	<b>-</b>	<b>48.736.078.634</b>

Nguyên giá của tài sản cố định vô hình bao gồm các tài sản cố định đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng tại ngày 30 tháng 6 năm 2019 là 4.813.781.418 đồng (tại ngày 31 tháng 12 năm 2018: 3.469.619.600 đồng).

**12. TÀI SẢN DỜ DANG DÀI HẠN**

	Số cuối kỳ VND	Số đầu kỳ VND
<b>Chi phí xây dựng cơ bản dở dang</b>		
- Xây dựng cơ bản	9.799.022.486	3.172.093.775
Trong đó:		
- Dự án "Xây dựng hệ thống PCCC cho trạm LGDS và LGDS mở rộng"	4.894.495.401	474.448.307
- Dự án Đường ống cấp khí cho KCN Phú Mỹ II mở rộng và dự phòng cho KCN chuyên sâu Phú Mỹ III	4.104.881.617	-
- Dự án "Hệ thống tuyến ống cung cấp khí cho khách hàng khu vực Long Thành - Đồng Nai"	325.225.556	325.225.556
- Hệ thống Phân phối khí Thấp áp cho Công ty Cổ phần Sứ Hải Giang	314.419.912	314.419.912
- Dự án "Lắp đặt đường ống cấp bù khí Cừu Long tới tuyến ống Phú Mỹ - Hồ Chí Minh tại GDC Phú Mỹ"	160.000.000	-
- Phần mềm quản lí nhân sự	-	2.058.000.000
	<b>9.799.022.486</b>	<b>3.172.093.775</b>

**13. PHẢI TRẢ NGƯỜI BÁN NGẮN HẠN**

	Số cuối kỳ	Số có khả năng trả nợ	Số đầu kỳ	Số có khả năng trả nợ
	VND	VND	VND	VND
Tổng Công ty Khí Việt Nam-Công ty Cổ phần	1.504.399.937.982	1.504.399.937.982	834.344.228.843	834.344.228.843
Các đối tượng khác	10.434.469.277	10.434.469.277	37.575.292.570	37.575.292.570
	<b>1.514.834.407.259</b>	<b>1.514.834.407.259</b>	<b>871.919.521.413</b>	<b>871.919.521.413</b>
Phải trả người bán là các bên liên quan (Chi tiết tại Thuyết minh số 28)	<b>1.505.347.868.482</b>		<b>835.979.345.641</b>	

**14. NGƯỜI MUA TRẢ TIỀN TRƯỚC NGẮN HẠN**

	Số cuối kỳ	Số đầu kỳ
	VND	VND
Công ty TNHH Posco SS Vina	40.772.911.131	38.384.582.824
Công ty TNHH Hyosung Việt Nam	26.744.800.212	29.944.672.781
Công ty TNHH Công nghiệp Kính NSG Việt Nam	20.222.240.961	26.663.926.713
Công ty TNHH Công nghiệp Gốm Bạch Mã Việt Nam	15.789.455.159	19.958.817.784
Công ty TNHH Posco Việt Nam	14.136.121.766	9.479.347.907
Chi nhánh Công ty Cổ phần Tập đoàn Hoa Sen - Nhà máy Tôn Hoa Sen Phú Mỹ	7.290.609.119	10.309.549.119
Chi nhánh Công ty Cổ phần Kỹ thương Thiên Hoàng - Nhà máy Gạch men Mikado	2.587.308.029	2.957.337.467
Các khách hàng khác	50.240.287.913	58.838.533.390
	<b>177.783.734.290</b>	<b>196.536.767.985</b>

**15. THUẾ VÀ CÁC KHOẢN PHẢI NỘP NHÀ NƯỚC**

Chi tiêu	Số đầu kỳ	Số phải nộp trong kỳ	Số đã nộp trong kỳ	Số cuối kỳ
	VND	VND	VND	VND
Thuế giá trị gia tăng	966.614.480	17.452.653.626	16.898.327.027	1.520.941.079
Thuế thu nhập doanh nghiệp	39.539.751.091	31.883.536.150	53.328.541.477	18.094.745.764
Thuế thu nhập cá nhân	940.586.958	3.811.187.396	4.346.182.416	405.591.938
Thuế và các khoản phải nộp khác	412.416.920	347.365.245	759.782.165	-
<b>Cộng</b>	<b>41.859.369.449</b>	<b>53.494.742.417</b>	<b>75.332.833.085</b>	<b>20.021.278.781</b>

**16. CHI PHÍ PHẢI TRẢ NGẮN HẠN**

	<u>Số cuối kỳ</u> VND	<u>Số đầu kỳ</u> VND
Hạch toán chi phí thuê hệ thống tiếp nhận và cung cấp khí cho khách hàng Việt Tiếp, Đông Lâm, Mikado và Long Hầu từ tháng 12/2018 - 6/2019	3.626.009.561	1.277.991.472
Trích trước chi phí sử dụng nhãn hiệu tập đoàn	1.533.454.336	-
Trích trước 5% chi phí thuê đất theo Hợp đồng số 09/HĐTĐ/HIPC ngày 15/12/2015	1.455.586.215	1.455.586.215
Chi phí phải trả khác	3.623.613.929	2.483.255.397
	<b>10.238.664.041</b>	<b>5.216.833.084</b>

**17. PHẢI TRẢ KHÁC**

	<u>Số cuối kỳ</u> VND	<u>Số đầu kỳ</u> VND
<b>Phải trả ngắn hạn khác</b>		
Phải trả Tổng Công ty Khí Việt Nam - Công ty Cổ phần	60.067.678.712	105.190.824.282
Nhận ký quỹ, ký cược ngắn hạn	41.967.926.021	38.766.164.948
Tài sản thừa chờ giải quyết	460.915.678	422.388.495
Cổ tức phải trả	726.374.500	726.374.500
Phải trả ngắn hạn khác	1.228.611.158	1.453.491.316
	<b>104.451.506.069</b>	<b>146.559.243.541</b>
<b>Phải trả dài hạn khác</b>		
Nhận ký quỹ, ký cược dài hạn	447.940.000	447.940.000
	<b>447.940.000</b>	<b>447.940.000</b>
<b>Phải trả khác cho các bên liên quan</b> (Chi tiết tại Thuyết minh số 28)	<b>60.067.678.712</b>	<b>105.190.824.282</b>

250  
 G  
 ỀM H  
 )IT  
 N  
 . T  
 030  
 C  
 C  
 IN PH  
 D  
 /I  
 E - T

**CÔNG TY CỔ PHẦN PHÂN PHỐI KHÍ THẤP ÁP DẦU KHÍ VIỆT NAM  
THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (Tiếp theo)**

**MẪU SỐ B 09a-DN**

**18. VỐN CHỦ SỞ HỮU**

Bảng đối chiếu biến động của vốn chủ sở hữu

Cho kỳ hoạt động 6 tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2018:

	VND	VND	VND	VND	VND	VND	VND
	Vốn góp của chủ sở hữu	Thặng dư vốn cổ phần	Cổ phiếu quỹ	Quỹ đầu tư phát triển	Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	Cộng VND
<b>Số dư đầu kỳ trước</b>	<b>899.990.250.000</b>	<b>153.050.000</b>	<b>(9.550.000)</b>	<b>178.262.403.866</b>	<b>12.450.000.000</b>	<b>324.450.404.815</b>	<b>1.415.296.558.681</b>
Lợi nhuận trong kỳ	-	-	-	-	-	142.443.284.304	142.443.284.304
Trích Quỹ khen thưởng, phúc lợi	-	-	-	-	-	(11.720.000.000)	(11.720.000.000)
Trích Quỹ thưởng Ban điều hành	-	-	-	-	-	(500.000.000)	(500.000.000)
<b>Số dư cuối kỳ trước</b>	<b>899.990.250.000</b>	<b>153.050.000</b>	<b>(9.550.000)</b>	<b>178.262.403.866</b>	<b>12.450.000.000</b>	<b>454.673.689.119</b>	<b>1.545.519.842.985</b>

Cho kỳ hoạt động 6 tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2019:

<b>Số dư đầu kỳ này</b>	<b>899.990.250.000</b>	<b>153.050.000</b>	<b>(9.550.000)</b>	<b>178.262.403.866</b>	<b>12.450.000.000</b>	<b>281.433.119.476</b>	<b>1.372.279.273.342</b>
Lợi nhuận trong kỳ	-	-	-	-	-	115.402.402.195	115.402.402.195
Trích Quỹ khen thưởng, phúc lợi (i)	-	-	-	-	-	(11.470.000.000)	(11.470.000.000)
Trích Quỹ thưởng Ban điều hành (i)	-	-	-	-	-	(500.000.000)	(500.000.000)
<b>Số dư cuối kỳ này</b>	<b>899.990.250.000</b>	<b>153.050.000</b>	<b>(9.550.000)</b>	<b>178.262.403.866</b>	<b>12.450.000.000</b>	<b>384.865.521.671</b>	<b>1.475.711.675.537</b>

(i) Theo Nghị quyết số 01/NQ-ĐHĐCĐ/2019 ngày 23 tháng 4 năm 2019, Công ty thực hiện trích Quỹ thưởng Ban điều hành và trích bổ sung Quỹ khen thưởng, phúc lợi từ lợi nhuận sau thuế năm 2018 với số tiền lần lượt là 500.000.000 đồng và 3.970.000.000 đồng.

Đồng thời, Công ty cũng tạm trích Quỹ khen thưởng, phúc lợi từ lợi nhuận sau thuế cho kỳ hoạt động 6 tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2019 với số tiền 7.500.000.000 đồng. Ban Giám đốc Công ty tin tưởng rằng số tiền tạm trích Quỹ khen thưởng, phúc lợi này sẽ được phê duyệt tại Đại hội đồng Cổ đông thường niên năm 2020.

Vốn điều lệ và vốn góp của chủ sở hữu:

Theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp sửa đổi lần thứ 11 ngày 31 tháng 12 năm 2015, vốn điều lệ của Công ty là 899.990.250.000 đồng. Tại ngày 30 tháng 6 năm 2019, vốn điều lệ đã được các cổ đông góp đủ như sau:

Cổ đông	Vốn đã góp			
	Số cuối kỳ		Số đầu kỳ	
	VND	%	VND	%
Tổng Công ty Khí Việt Nam - Công ty Cổ phần Công ty Tokyo Gas Asia Pte. Ltd.	454.500.000.000	50,50%	454.500.000.000	50,50%
Các cổ đông khác	224.097.570.000	24,90%	224.097.570.000	24,90%
Các cổ đông khác	221.392.680.000	24,60%	221.392.680.000	24,60%
<b>Tổng cộng</b>	<b>899.990.250.000</b>	<b>100,00%</b>	<b>899.990.250.000</b>	<b>100,00%</b>

Cổ phiếu:

	Số cuối kỳ	Số đầu kỳ
<b>Số lượng cổ phiếu đã bán ra công chúng</b>	<b>89.999.025</b>	<b>89.999.025</b>
Cổ phiếu phổ thông	89.999.025	89.999.025
Cổ phiếu ưu đãi	-	-
<b>Số lượng cổ phiếu quỹ</b>	<b>955</b>	<b>955</b>
Cổ phiếu phổ thông	955	955
Cổ phiếu ưu đãi	-	-
<b>Số lượng cổ phiếu đang lưu hành</b>	<b>89.998.070</b>	<b>89.998.070</b>
Cổ phiếu phổ thông	89.998.070	89.998.070
Cổ phiếu ưu đãi	-	-

Cổ phiếu phổ thông có mệnh giá 10.000 VND/cổ phiếu.

**19. BỘ PHẬN THEO LĨNH VỰC KINH DOANH VÀ BỘ PHẬN THEO KHU VỰC ĐỊA LÝ**

Trong kỳ, Công ty chỉ kinh doanh một mặt hàng duy nhất là khí thiên nhiên và chỉ hoạt động trong phạm vi lãnh thổ Việt Nam. Do vậy, Công ty không có bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh nào khác ngoài lĩnh vực kinh doanh khí thiên nhiên và không có bộ phận theo khu vực địa lý nào khác ngoài lãnh thổ Việt Nam.

**20. DOANH THU BÁN HÀNG VÀ CUNG CẤP DỊCH VỤ**

	Kỳ này VND	Kỳ trước VND
Doanh thu bán khí thấp áp	3.739.144.356.148	3.404.220.080.575
Doanh thu bán CNG	84.227.121.924	376.515.059.542
Doanh thu khác	349.152.314	792.710.314
	<b>3.823.720.630.386</b>	<b>3.781.527.850.431</b>
<b>Doanh thu phát sinh trong kỳ với các bên liên quan (chi tiết tại Thuyết minh số 28)</b>	<b>1.116.102.106.842</b>	<b>1.082.036.732.339</b>

**21. GIÁ VỐN HÀNG BÁN VÀ DỊCH VỤ CUNG CẤP**

	Kỳ này VND	Kỳ trước VND
Giá vốn bán khí thấp áp	3.395.615.049.912	3.030.819.641.517
Giá vốn bán CNG	72.187.069.396	325.361.740.041
Giá vốn khác	19.867.711	365.767.006
	<b>3.467.821.987.019</b>	<b>3.356.547.148.564</b>

**22. CHI PHÍ SẢN XUẤT, KINH DOANH THEO YẾU TỐ**

	Kỳ này VND	Kỳ trước VND
Chi phí mua khí	3.467.802.119.308	3.356.181.381.558
Chi phí lương và các khoản trích theo lương	49.500.681.341	46.681.774.730
Chi phí khấu hao tài sản cố định	41.967.552.808	59.233.287.197
Chi phí thuê hoạt động	36.372.723.974	37.029.735.252
Chi phí dịch vụ mua ngoài	27.596.728.764	33.286.520.871
Chi phí vận chuyển CNG	7.520.272.252	21.060.963.470
Chi phí dụng cụ, đồ dùng	5.761.038.472	6.154.677.453
Chi phí thưởng an toàn	1.920.148.542	3.218.238.278
Chi phí khác bằng tiền	47.185.643.997	48.005.208.389
	<b>3.685.626.909.458</b>	<b>3.610.851.787.198</b>

**23. DOANH THU HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH**

Doanh thu hoạt động tài chính của Công ty phản ánh lãi tiền gửi có kỳ hạn và không kỳ hạn tại các ngân hàng thương mại.



**24. CHI PHÍ BÁN HÀNG VÀ CHI PHÍ QUẢN LÝ DOANH NGHIỆP**

	<u>Kỳ này</u> VND	<u>Kỳ trước</u> VND
<b>Chi phí quản lý doanh nghiệp phát sinh trong kỳ</b>		
Chi phí nhân viên quản lý	6.698.111.974	6.505.054.356
Chi phí bảo hiểm	3.309.880.968	3.410.500.000
Chi phí thuê văn phòng	3.141.206.250	3.141.206.250
Chi phí khấu hao tài sản cố định	3.078.614.293	1.362.805.494
Chi phí dịch vụ mua ngoài	2.567.088.670	3.767.579.894
Chi phí dụng cụ, đồ dùng	881.543.378	524.978.376
Các khoản chi phí quản lý doanh nghiệp khác	20.927.527.072	26.559.281.753
	<b>40.603.972.605</b>	<b>45.271.406.123</b>
<b>Chi phí bán hàng phát sinh trong kỳ</b>		
Chi phí nhân viên bán hàng	44.722.717.909	43.394.958.652
Chi phí khấu hao tài sản cố định	38.888.938.515	57.870.481.703
Chi phí thuê tài sản cố định	33.231.517.724	33.888.529.002
Chi phí dịch vụ mua ngoài	25.029.640.094	29.518.940.977
Chi phí vận chuyển CNG	7.520.272.252	21.060.963.470
Chi phí dụng cụ, đồ dùng	4.879.495.094	5.629.699.077
Các khoản chi phí bán hàng khác	22.948.235.957	18.035.426.636
	<b>177.220.817.545</b>	<b>209.398.999.517</b>

**25. THU NHẬP KHÁC**

	<u>Kỳ này</u> VND	<u>Kỳ trước</u> VND
Phạt vi phạm hợp đồng	64.315.311	74.222.751
Lãi từ thanh lý, nhượng bán tài sản cố định	45.454.545	-
Thu nhập khác	10.054.182	909.092
	<b>119.824.038</b>	<b>75.131.843</b>



**26. CHI PHÍ THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP**

	Kỳ này VND	Kỳ trước VND
<b>Lợi nhuận trước thuế</b>	<b>147.285.938.345</b>	<b>177.647.199.877</b>
<b>Điều chỉnh cho thu nhập chịu thuế</b>		
Cộng: các khoản chi phí không được khấu trừ	811.385.675	1.906.240.540
- Thuế lao của Hội đồng Quản trị và Ban kiểm soát	30.000.000	41.000.000
- Chi bảo hiểm tự nguyện vượt mức	288.500.000	321.000.000
- Chi phí khác	492.885.675	1.544.240.540
<b>Thu nhập chịu thuế thu nhập doanh nghiệp</b>	<b>148.097.324.020</b>	<b>179.553.440.417</b>
<b>Thuế suất</b>	<b>20%</b>	<b>20%</b>
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp tính trên thu nhập chịu thuế kỳ hiện tại	29.619.464.804	35.910.688.083
Điều chỉnh chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp của các kỳ trước vào chi phí thuế thu nhập hiện hành kỳ này	2.264.071.346	(706.772.510)
<b>Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành</b>	<b>31.883.536.150</b>	<b>35.203.915.573</b>

**27. LÃI CƠ BẢN TRÊN CỔ PHIẾU**

Việc tính toán lãi cơ bản trên cổ phiếu được thực hiện trên cơ sở các số liệu sau:

	Kỳ này VND	Kỳ trước (*) (Trình bày lại) VND
<b>Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp (VND)</b>	<b>115.402.402.195</b>	<b>142.443.284.304</b>
- Trích Quỹ khen thưởng, phúc lợi, Quỹ thưởng Ban điều hành theo Nghị quyết Đại hội đồng Cổ đông (VND)	(7.500.000.000)	(8.085.000.000)
<b>Lợi nhuận để tính lãi cơ bản trên cổ phiếu (VND)</b>	<b>107.902.402.195</b>	<b>134.358.284.304</b>
Số cổ phiếu phổ thông bình quân lưu hành trong kỳ (Cổ phiếu)	89.998.070	89.998.070
<b>Lãi cơ bản trên cổ phiếu (VND/cổ phiếu)</b>	<b>1.199</b>	<b>1.493</b>

Công ty tạm trích bổ sung Quỹ khen thưởng, phúc lợi từ lợi nhuận sau thuế cho kỳ hoạt động 6 tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2019 với số tiền 7.500.000.000 đồng. Ban Giám đốc Công ty tin tưởng rằng số tiền tạm trích Quỹ khen thưởng, phúc lợi này sẽ được phê duyệt tại Đại hội đồng Cổ đông thường niên năm 2020.

Đồng thời, Công ty xác định lại số trích Quỹ khen thưởng, phúc lợi và Quỹ thưởng Ban điều hành cho kỳ hoạt động 6 tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2018 bằng 50% số trích Quỹ khen thưởng, phúc lợi năm 2018 được Đại hội đồng Cổ đông Công ty phê duyệt ngày 23 tháng 4 năm 2019. Theo đó, lãi cơ bản trên cổ phiếu kỳ trước được trình bày lại là 1.493 đồng/cổ phiếu (số đã trình bày kỳ trước là 1.516 đồng/cổ phiếu).



**28. NGHIỆP VỤ VÀ SỐ DƯ VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN**

**Danh sách các bên liên quan có giao dịch và số dư chủ yếu trong kỳ:**

**Bên liên quan**

**Mối quan hệ**

Tổng Công ty Khí Việt Nam - Công ty Cổ phần  
 Công ty Tokyo Gas Asia Pte. Ltd.  
 Các đơn vị thành viên trong Tập đoàn Dầu khí Việt Nam

Công ty mẹ của Công ty  
 Cổ đông lớn  
 Cùng chủ sở hữu

***Trong kỳ, Công ty đã có các giao dịch chủ yếu sau với các bên liên quan:***

	<u>Kỳ này</u> VND	<u>Kỳ trước</u> VND
<b>Mua hàng</b>	<b>3.508.672.477.910</b>	<b>3.396.229.506.026</b>
Tổng Công ty Khí Việt Nam - Công ty Cổ phần	3.138.214.955.029	2.770.458.467.223
- Mua khí	3.104.857.085.724	2.737.120.206.753
- Thuê công trình "Hệ thống phân phối khí thấp áp giai đoạn 2"	30.005.425.002	30.005.425.002
- Chi phí thuê và quản lý tòa nhà	3.352.444.303	3.332.835.468
Chi nhánh Tổng Công ty Khí Việt Nam - Công ty Cổ phần - Công ty Vận chuyển khí Đông Nam Bộ	363.595.696.411	619.176.340.710
Công ty Cổ phần Vận tải Dầu khí Đông Dương - Chi nhánh Thành phố Hồ Chí Minh	5.814.234.000	5.456.948.000
Công ty Cổ phần Kinh doanh khí Miền Nam - Chi nhánh Miền Đông	1.047.592.470	1.137.750.093
<b>Bán hàng</b>	<b>1.116.102.106.842</b>	<b>1.082.036.732.339</b>
Công ty Cổ phần CNG Việt Nam	584.999.184.689	479.598.768.547
Công ty Cổ phần Kinh doanh Khí Miền Nam	510.060.185.857	423.022.784.389
Công ty Cổ phần Kinh doanh Khí Miền Bắc	21.042.736.296	179.415.179.403
<b>Thu nhập của Hội đồng Quản trị và Ban Giám đốc</b>	<b>3.507.998.000</b>	<b>4.409.149.951</b>

***Số dư với các bên liên quan chủ yếu tại ngày kết thúc kỳ kế toán như sau:***

	<u>Số cuối kỳ</u> VND	<u>Số đầu kỳ</u> VND
<b>Phải thu khách hàng ngắn hạn</b>	<b>457.416.226.447</b>	<b>385.129.031.615</b>
Công ty Cổ phần Kinh doanh Khí Miền Nam	211.896.534.936	205.328.601.814
Công ty Cổ phần CNG Việt Nam	243.300.786.633	163.604.963.043
Công ty Cổ phần Kinh doanh Khí Miền Bắc	2.218.904.878	16.195.466.758
<b>Phải thu ngắn hạn khác</b>	<b>7.076.825.824</b>	<b>7.027.961.044</b>
Công ty Cổ phần Xây lắp Dầu khí 2	4.870.608.031	4.870.608.031
Công ty Cổ phần Đầu tư Tài chính Công đoàn Dầu khí Việt Nam	1.294.956.610	1.294.956.610
Công ty Cổ phần CNG Việt Nam	911.261.183	862.396.403
<b>Trả trước cho người bán ngắn hạn</b>	<b>7.693.950</b>	<b>255.852.750</b>
Công ty TNHH MTV Kiểm định Kỹ thuật An toàn Dầu khí Việt Nam	7.693.950	255.852.750



	Số cuối kỳ VND	Số đầu kỳ VND
<b>Phải thu dài hạn khác</b>	<b>1.570.603.125</b>	<b>1.570.603.125</b>
Tổng Công ty Khí Việt Nam - Công ty Cổ phần	1.570.603.125	1.570.603.125
<b>Phải trả người bán ngắn hạn</b>	<b>1.505.347.868.482</b>	<b>835.979.345.641</b>
Tổng Công ty Khí Việt Nam - Công ty Cổ phần	1.504.399.937.982	834.344.228.843
Chi nhánh Công ty Cổ phần Vận tải Dầu khí Đông Dương - Chi nhánh Thành phố Hồ Chí Minh	771.930.500	816.360.600
Tổng Công ty Tư vấn thiết kế Dầu Khí - Công ty Cổ phần	176.000.000	498.876.198
Công ty TNHH MTV Kiểm định Kỹ thuật An toàn Dầu khí Việt Nam	-	319.880.000
<b>Phải trả ngắn hạn khác</b>	<b>60.067.678.712</b>	<b>105.190.824.282</b>
Tổng Công ty Khí Việt Nam - Công ty Cổ phần	60.067.678.712	105.190.824.282

**29. CÁC KHOẢN CAM KẾT**

**Cam kết thuê hoạt động**

Ngày 18 tháng 8 năm 2009, Công ty đã ký Hợp đồng thuê tài sản số 120/2009/PV GAS-TC-PV GAS D/D4 với Tổng Công ty Khí Việt Nam - Công ty TNHH MTV (nay là Tổng Công ty Khí Việt Nam - Công ty Cổ phần) để thuê Hệ thống khí thấp áp giai đoạn 2. Số tiền thuê hàng tháng là 5.000.904.167 đồng kể từ ngày 14 tháng 8 năm 2008.

Ngày 31 tháng 8 năm 2017, Công ty đã ký hợp đồng số 07/2015/HĐDVTT/XNMB-NHATMINHTHANH với Công ty TNHH MTV Thương mại Dịch vụ Kỹ thuật Nhật Minh Thành để thuê hệ thống tiếp nhận và cung cấp khí kết nối vào Hệ thống phân phối khí thấp áp KCN Tiên Hải - Thái Bình cho các khách hàng Công ty TNHH Pha Lê Việt Tiếp Thái Bình, Công ty TNHH Sứ Đông Lâm, chi nhánh Công ty Cổ phần Kỹ thương Thiên Hoàng - Nhà máy Gạch men Mikado, Công ty Cổ phần Gạch men Sứ Long Hầu với thời gian thuê 5 năm. Giá thuê hệ thống là 8.542.828.800 đồng/năm kể từ ngày 01 tháng 01 năm 2018.

Công ty đã ký Hợp đồng số 326/2017/PVGAS/VP-PVG.D/D4 ngày 29 tháng 11 năm 2017 với Tổng Công ty Khí Việt Nam - Công ty Cổ phần để thuê văn phòng tại tòa nhà PVGas Tower với diện tích thuê là 1.315 m<sup>2</sup>, thời hạn thuê 2 năm và giá thuê hàng tháng là 398.125 đồng/m<sup>2</sup>.

**30. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ:**

**Thông tin bổ sung cho các khoản phi tiền tệ:**

Tiền chi mua tài sản cố định và chi phí xây dựng cơ bản dở dang trong kỳ bao gồm khoảng 4.754.264.288 đồng là số tiền thanh toán nợ phải trả mua sắm tài sản cố định và xây dựng cơ bản dở dang phát sinh trong kỳ trước mà chưa được thanh toán, và 1.174.310.382 đồng là số tiền ứng trước cho hoạt động mua sắm tài sản cố định và xây dựng cơ bản dở dang phát sinh trong kỳ hoạt động tiếp theo. Vì vậy, một khoản tiền tương ứng đã được điều chỉnh trên phần tăng, giảm các khoản phải trả và phần tăng, giảm các khoản phải thu.



**31. SỰ KIỆN SAU NGÀY KẾT THÚC KỲ KẾ TOÁN**

Ngày 17 tháng 7 năm 2019, Hội đồng Quản trị Công ty đã ban hành Nghị quyết số 14/NQ-HĐQT/2019 về việc thông qua nội dung chia cổ tức năm 2018. Theo đó, Công ty sẽ thực hiện chia cổ tức năm 2018 bằng tiền mặt với tỷ lệ 25% vốn điều lệ, tương đương 225 tỷ đồng. Thời gian thực hiện dự kiến trong tháng 8 năm 2019.



**Lê Đức Huy**  
**Người lập biểu**



**Nguyễn Phương Thúy**  
**Kế toán trưởng**



**Trần Thanh Nam**  
**Giám đốc**

Ngày 08 tháng 8 năm 2019

